

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hiền.

2. Ông Nguyễn Thế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 404/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà H và ông Phạm Văn C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, bà H và ông C chung sống tại nhà riêng thuộc tổ A, ấp T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Lê Duy K1, sinh ngày 30/11/2011 và cháu Phạm Tuấn K2, sinh ngày 20/01/2014. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khi bà H và ông C sống chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do bản thân ông C

không tu chí làm ăn, ham chơi cờ bạc, gây nợ nần cho gia đình dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, cuộc sống luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải, khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Không có.

Bị đơn là ông Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Văn C nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của bà H thì ngay từ khi sống chung với nhau, vợ chồng bà không hạnh phúc do ông C không tu chí làm ăn, ham chơi cờ bạc, gây nợ nần cho gia đình.

Xét thấy lời khai của bà H là phù hợp với thông tin cung cấp tại biên bản xác minh ngày 04-10-2019 nên xác định mâu thuẫn vợ chồng bà H là có thật và mâu thuẫn chính dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt bắt nguồn từ việc ông C ham chơi cờ bạc, không có ý thức xây dựng cuộc sống chung. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông C đến Tòa án làm việc, hòa giải nhưng ông C không chấp hành và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ.

Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông C là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà H yêu cầu được ly hôn với ông C.

[2.2] Về con chung:

Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con. Xét thấy, hiện bà H buôn bán thịt heo, có mức thu nhập ổn định và có thời gian chăm sóc các con đồng thời cháu K1 cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, trong khi bản thân ông C ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình nên việc giao con cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng không được bảo đảm. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bà H không yêu cầu nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Phạm Văn C về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn C.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Duy K1, sinh ngày 30/11/2011 và cháu Phạm Tuấn K2, sinh ngày 20/01/2014 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Văn C không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001618 ngày 03/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Lê Thị H đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Xuân Thường

